

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/DS-PT
Ngày 11 - 7 - 2022
V/v tranh chấp Ranh giới quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông
Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng
5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp Ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2022/QĐ-PT ngày
01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1955.

Ủy quyền cho anh Bùi Tấn Đ sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Bùi Thị Thùy L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

3.2. Anh Bùi Tấn Đ, sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (Có mặt).

3.4. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

3.5. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Kiều, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 12a, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện M (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y trình bày:

Bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 28.500m² vào ngày 12/02/1999 và diện tích 4.983,9m² vào ngày 22/5/2013.

Vào năm 1978, chồng bà là ông Bùi Văn Đ có sang nhượng của ông Đặng Văn M ở xã Long Khánh, Cai Lậy, Tiền Giang một vuông đất diện tích 21m x 1.200m có giấy tờ nhườn đất. Việc sang đất của chồng bà có gia đình ông Hội, ông S (Sơn Cùi) là những người giáp ranh và những cán bộ địa phương lúc đó chứng kiến. Trong giấy nhườn đất (lúc đó nhà nước không cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất) có ghi phía tây giáp đất Sơn Cùi (Nguyễn Văn S là cha của Nguyễn Văn N). Trong khi đất của chồng bà sang của ông M và đất của ông S có một con kênh. Con kênh này do ông S đào trên đất của ông M trước đó vì ông S là cháu rể của ông M. Khi ông M nhườn đất cho chồng bà là nhườn luôn phần đất con kênh (trong sơ đồ địa chính xã K phản ánh rõ phần đất toàn bộ con kênh thuộc quyền sử dụng đất của chồng bà). Sau thời gian canh tác, do chính sách đất đai của nhà nước nên đất của chồng bà được đổi thửa với đất nhà nước quản lý giáp phía đông, nên tổng diện tích được cấp giấy là 38.983,9m². Trước đó, do kinh tế khó khăn bà đã chuyển nhượng cho anh Đoàn Quốc V một khuôn đất 5.500m² tức là thửa 518, so với hiện trạng phần đất tranh chấp bà bị thiếu mất 3.190,9m².

Trong quá trình canh tác đất trên thì bà và anh N có tranh chấp quyền sử dụng đất từ kênh 500 cũ đến kênh Máng dẫn đến khiếu kiện. Do vậy, ngày 24/8/2001 Tòa án nhân dân huyện M và địa chính xã K có đo đạc thực tế ranh đất giữa đất của bà và đất của anh N có chiều ngang như sau: Phía bắc giáp kênh Hai Hạt là 60m, chiều ngang giáp ông Đoàn Quốc V là 55,5m. Hai bên thống nhất ký tên trong biên bản.

Trước đó năm 1999, ông S phân nửa đất (chiều dọc) theo Bắc – Nam cho ông Bảy Minh (con ông Minh là Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn Ph) và để lại đất cho con là Nguyễn Văn N canh tác (riêng thửa đất 1289 do Nguyễn Văn Ph đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ nhưng anh N canh tác thực tế), thì anh N bắt đầu lấp dần con kênh.

Sau khi lấp hết con kênh, đến tháng 10/2010, anh N lại tiếp tục đào tiếp phần bờ kênh bên bà vào khoảng 0,4m dọc theo bờ ranh, hướng Bắc – Nam và trồng một số cây như chuối, dừa (mới trồng)... Gia đình bà đến can ngăn nhiều lần nhưng anh N vẫn lấn chiếm. Gia đình bà đưa sự việc đến Ban hòa giải ấp, xã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nên bà Y yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết buộc hộ anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ph trả lại phần đất đã lấn chiếm cho bà thuộc các thửa đất 268, 292, 489, 519, thuộc tờ bản đồ số 4:

Chiều ngang giáp kênh Hai Hát phía bắc là 1,64m; chiều ngang giáp Đoàn Quốc V là 4,7m; chiều dài 424,82m; tổng diện tích lấn chiếm là $1.346,67m^2$, trong đó đất trồng cây lâu năm là $200m^2$, còn lại đất lúa $1.146,67m^2$.

Qua đo đạc thực tế bà Y yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn N phải trả lại phần đất đã lấn chiếm cho bà, thuộc các thửa đất 268, 292, 489, 519, thuộc tờ bản đồ số 4: Diện tích đất lấn chiếm so với hiện trạng là:

+ Chiều ngang giáp kênh Hai Hát phía bắc là 60m, bị lấn chiếm 1,86m (hiện trạng là 58,14m); Chiều ngang giáp Đoàn Quốc V là 55,5m, bị lấn chiếm 1,27m (hiện trạng là 54,23m). Tổng chiều dài là 428,21m.

Nay bà Y xin rút một phần, bà Y chỉ yêu cầu hộ anh N trả lại phần đất lấn chiếm thuộc thửa 268, tờ bản đồ số 4, so với hiện trạng là:

+ Chiều ngang giáp kênh Hai Hát, phía bắc là 1,86m; Chiều ngang giáp kênh 200 phía nam là 2,73m. Chiều dài là 228,66m.

Ngày 16/02/2022 bà Y thay đổi yêu cầu như sau:

Bà Y yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn N phải trả lại phần đất đã lấn chiếm cho bà là toàn bộ con kênh đã lấp và chặt bỏ cây trên bờ kênh phía bên đất của bà, thuộc thửa đất 268 tờ bản đồ số 4, so với hiện trạng là:

+ Chiều ngang giáp kênh Hai Hát phía bắc là 64,16m, bị lấn chiếm 5,8m (hiện trạng là 58,36m); Chiều ngang giáp kênh 200, phía nam là 58,69m, bị lấn chiếm 4m (hiện trạng là 54,69m). Tổng chiều dài là 247,01m.

Yêu cầu xác định (cắm trụ) ranh đất giữa bà Y và anh N theo đường thẳng từ Kênh Hai Hát phía bắc (chiều ngang là 64,16m) đến kênh 200, phía nam (chiều ngang là 58,69m).

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Nguồn gốc đất của ông bà ngoại anh cho lại mẹ anh là Đặng Thị L canh tác từ năm 1970, đến năm 1976 thì cha anh có đào 1 con kênh để xả phèn canh tác mùa vụ, con kênh này cha anh đào có bề ngang 3m dài 700m, đến năm 1990 thì mượn máy ủi sang lấp mặt bằng để làm ruộng, đến năm 1994 cho lại anh là Nguyễn Văn N canh tác đến nay.

Hướng đông giáp đất Huỳnh Thị Y; Tây giáp đất Nguyễn Văn Kh; Nam giáp kênh Hai Hát; Bắc giáp đất Chín S.

Trên phần đất này hướng đông giáp bà Huỳnh Thị Y trước đây cha anh là Nguyễn Văn S có trồng một cây tràm để phân biệt làm ranh, dưới gốc tràm có đóng một cây sắt tại gốc cây, sau này anh mời ban hòa giải đến đóng kế bên đó thêm một cây trụ đá. Ranh đất của anh giáp với đất anh Kh, Chín S đã có trụ đá.

Nay Bà Y yêu cầu hộ anh phải trả lại cho bà là toàn bộ con kênh đã lấp và chặt bỏ cây trên bờ kênh phía bên đất của bà, thuộc thửa đất 268 tờ bản đồ số 4; Chiều ngang giáp kênh Hai hạt phía bắc là 64,16m, bị lấn chiếm 5,8m (hiện trạng là 58,36m); Chiều ngang giáp kênh 200, phía nam là 58,69m, bị lấn chiếm 4m (hiện trạng là 54,69m). Tổng chiều dài là 247,01m. Yêu cầu xác định (cắm trụ) ranh đất giữa bà Y và anh N theo đường thẳng từ Kênh Hai Hạt phía bắc (Chiều ngang 64,16m) đến kênh 200, phía nam (chiều ngang 58,69m), theo anh, chị là không đúng. Anh N, chị L không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ đại diện ủy quyền của bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Tấn Đ, chị Bùi Thị Thùy L trình bày: Anh, chị là con của bà Y, thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Y, không có ý kiến trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị L, anh Th và chị H là vợ và con của anh N, thống nhất theo lời trình bày của anh N. Không đồng ý đối với yêu cầu của bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào năm 2005, anh Ph có nhận chuyển nhượng đất của bà Đặng Thị L là mẹ ruột của anh N diện tích 2.988m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005, thửa 1289. Từ ngày nhận chuyển nhượng, anh Ph sử dụng đất không thay đổi vị trí. Khi xảy ra tranh chấp giữa bà Y, anh N đo đạc phát hiện thửa đất anh Ph được cấp quyền sử dụng giáp với đất của bà Y. Việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm sai vị trí thửa đất, ông Ph và ông Minh hoàn toàn không biết. Ông M, anh Ph xác định đất không giáp với đất của bà Y nên trong vụ án này ông M, anh Ph không có yêu cầu, nếu có sai thửa thì sau này các ông sẽ điều chỉnh lại và phần đất này anh Ph đã sang tên cho ông Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Đồng Tháp: Ngày 07/5/2015, Ngân hàng có cho anh N vay 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/7106034/HĐTD. Việc ngân hàng cho anh N vay là phù hợp với quy định của pháp luật, có thể chấp là quyền sử dụng đất do anh N đứng tên quyền sử dụng. Từ khi vay cho đến nay anh N không có vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó trường hợp nếu kết quả xét xử không làm thay đổi diện tích của một phần hay toàn bộ các thửa đất đang thế chấp tại ngân hàng thì bên vay tiếp tục thế chấp tài sản nêu trên và thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo các điều khoản đã quy định trong các Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký với ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M trình

bày: Đối với vụ án tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Y với ông Nguyễn Văn N Ủy ban không có ý kiến và sẽ thực hiện kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Y.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Y yêu cầu hộ anh N phải trả lại phần đất đã lấn chiếm cho bà là toàn bộ con kênh đã lấp và chặt bỏ cây trên bờ kênh phía bên đất của bà, thuộc thửa đất 268 tờ bản đồ số 4, so với hiện trạng là: Chiều ngang giáp kênh Hai hạt phía bắc là 64,16m, bị lấn chiếm 5,8m (hiện trạng là 58,36m); Chiều ngang giáp kênh 200, phía nam là 58,69m, bị lấn chiếm 4m (hiện trạng là 54,69m). Tổng chiều dài là 247,01m và yêu cầu xác định (cắm trụ) ranh đất giữa bà Y và anh N theo đường thẳng từ Kênh Hai Hạt phía bắc (Chiều ngang 64,16m) đến kênh 200, phía nam (chiều ngang 58,69m).

- Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Y và anh Nguyễn Văn N.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Y và anh Nguyễn Văn N được xác định như sau:

Điểm I: (Mặt tiền giáp lộ đal Kênh Hai Hạt) từ cọc cây M1 (chị L con bà Y xác định) đến cọc cây M2 (anh N xác định) là 3,37m, anh N được sử dụng 3,37m, lấy M2 làm điểm chuẩn ranh. Đất bà Y có chiều ngang 58,07m.

Điểm gửi: M1 kéo vào góc nhà của anh N bên phải là 34,91m.

Điểm gửi: M2 kéo vào góc nhà của anh N bên phải là 37,09m.

Điểm II: (Giáp với kênh 200) từ cọc cây M7 (anh N xác định) đến cọc cây M8 (chị L con bà Y xác định) là 2,73m, anh N được sử dụng 2,73m, lấy M7 làm điểm chuẩn ranh. Đất bà Y có chiều ngang 54,71m.

Điểm gửi: M8 kéo đến cây tràm trồng trên đất của anh N là 3,56m.

Điểm gửi: M7 kéo đến cây tràm trồng trên đất của anh N là 6,27m.

Chiều dài từ M2 (giáp mí lộ đal) đến M7 (kênh 200) là 235,64m và Từ M2 đến kênh Hai Hạt là 6,07m (là lộ đal và bờ kênh)

(Có Phụ lục kèm theo trích đo theo ngày 26/6/2020 Của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M kèm theo)

Bà Y và anh N được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá là 500.000đ, số tiền này bà Y phải chịu và đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2022 bà Huỳnh Thị Y kháng cáo bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện M,

tỉnh Đồng Tháp. Bà Y yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc anh N trả lại đất lấn chiếm phía bắc giáp kênh Hai Hạng là 2,9m, phía nam giáp kênh 200 là 02m và lấy ranh giới là đường thẳng giữa con mương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Bùi Tấn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Y trình bày: Anh Đ yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Y, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn nữa con mương, xác định ranh giới quyền sử dụng đất là đường thẳng giữa con mương.

Anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Y đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà Y được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thùy L, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và Ngân hàng, Ủy ban nhân dân huyện M có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy vắng mặt các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y yêu cầu anh N trả đất lấn chiếm chiều ngang giáp kênh Hai Hạng là 2,9m, chiều ngang giáp kênh 200 là 02m:

[2.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc như sau: thửa 268, 269, 292, 291 cùng tờ bản đồ số 04 là của ông Bùi Văn Đ (chồng bà Y) nhận chuyển nhượng của Đặng Văn M vào năm 1978 và hiện nay do bà Huỳnh Thị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn thửa 267, 293 cùng tờ bản đồ số 4 là của ông, bà để lại cho bà

Đặng Thị L (mẹ anh N) canh tác từ năm 1970 cho đến nay, hiện nay do anh Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Xét về hiện trạng và quá trình sử dụng đất: Theo đơn kháng cáo bà Y yêu cầu anh N trả đất lấn chiếm chiều ngang giáp kênh Hai hạt là 2,9m, chiều ngang giáp kênh 200 là 02m. Theo trích đo ngày 26/6/2020, đất của bà Y có chiều ngang giáp kênh Hai hạt là 58,36m, chiều ngang giáp kênh 200 là 54,69m. Bà Y cho rằng khi ông Đ nhận chuyển nhượng đất của ông M hiện trạng đã có con kênh do ông S đào trên đất ông M trước đó vì ông S là cháu rể của ông M. Khi ông M chuyển nhượng đất cho ông Đ thì chuyển nhượng luôn con kênh. Xét thấy theo tờ nhườn đất ngày 15/4/1978 giữa ông Đ Văn M và ông Bùi Văn Đô, ông M nhườn lại cho ông Đ đất có chiều ngang là 21m, dài 1.200m có một cạnh giáp với ông Nguyễn Văn S nhưng trong tờ nhườn đất không thể hiện đất chuyển nhượng có con kênh đang tranh chấp hiện nay. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà Y xác định khi nhận chuyển nhượng đất của ông M không có đo đạc và không xác định ranh trên thực địa chỉ có người giáp ranh là ông Nguyễn Văn S ký tên vào Tờ nhườn đất ngày 15/4/1978. Theo lời trình bày của bà Y xác định khi ông Đ nhận chuyển nhượng đất đã có con kênh và thừa nhận con kênh là do ông S đào nhưng bà Y không có chứng cứ chứng minh con kênh đào bên đất của ông M và ông M đã chuyển nhượng lại cho ông Đ vào năm 1978.

Ngoài ra bà Y trình bày vào năm 2001, bà tranh chấp với ông Đặng Văn T, anh Nguyễn Văn N có ký tên vào biên bản đo đạc xác định đất bà Y có chiều ngang giáp kênh Hai hạt là 60m, chiều ngang giáp đất ông Đoàn Quốc V là 55m. Theo biên bản về việc đo đạc thực tế đất tranh chấp ngày 24/08/2001 giữa các đương sự có chữ ký của anh N và ông Bùi Văn Đ (là cha anh Đ), hiện nay anh Đ và anh N các bên đều thống nhất vị trí đất tranh chấp theo biên bản đo đạc trên không phải là phần đất hiện nay các bên đang tranh chấp mà thuộc vị trí khác nên không thể lấy các số liệu theo biên bản đo đạc này làm căn cứ giải quyết vụ kiện là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy diện tích đất bà Y và ông T tranh chấp vào năm 2001 không liên hệ với diện tích đất tranh chấp giữa anh N và bà Y hiện nay. Theo bản án số 114/DSPT ngày 24/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì anh N là người được ông T cho mượn đất để canh tác nên lời trình bày của anh N là có căn cứ và phù hợp. Đối với biên bản thỏa thuận ranh đất tranh chấp ngày 26/07/2012 tại Tòa án huyện M thể hiện kích thước các thửa đất bà Y và anh N nhưng phía dưới cùng biên bản này, anh N có ghi nội dung không thống nhất theo thỏa thuận mà chỉ đồng ý lấy hai trụ đá ranh đã được cha anh cắm để làm ranh nên cũng không thể lấy biên bản này để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, anh Đ cũng thừa nhận hai trụ đá bên gia đình anh N đã cắm hiện nay vẫn còn trên hiện trạng nhưng đã bị di dời nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quá trình sử dụng đất theo hiện trạng của gia đình anh N như đã nhận định trên để giải quyết vụ kiện là có căn cứ. Phía bà Y kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y.

Hơn nữa từ khi ông Đ nhận chuyển nhượng đất của ông M đã có con kênh và con kênh do hộ ông S (cha anh N) sử dụng từ trước năm 1978 cho đến nay trên 30 năm, trong quá trình sử dụng con kênh hộ anh N đã san lấp để canh tác và trồng cây nhưng hộ bà Y không ngăn cản hay tranh chấp. Theo công văn số 25/UBND-NC ngày 22/01/2015, xác định theo bản đồ địa chính (bản đồ 299) thửa đất số 269, tờ bản đồ số 4 do bà Huỳnh Thị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất 267, 293, tờ bản đồ số 4 do anh Nguyễn Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có kênh thủy lợi, do đó phân đất kênh thủy lợi hiện trạng đã được cấp giấy chứng nhận. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho anh N, bà Y được thực hiện đúng quy định, khi cấp giấy không có đo đạc, khảo sát thực tế nên không biết kích thước ngang, dài mỗi thửa đất là bao nhiêu. Như vậy khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên không tiến hành đo đạc nên bà Y không có chứng cứ chứng minh đất bà Y có chiều ngang giáp kênh hai hạt 60m, chiều ngang giáp kênh 200 là 55m.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Y, giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Y và anh Nguyễn Văn N. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất 268, 269 cùng tờ bản đồ số 4 và thửa 267, 293, tờ bản đồ số 4 là đường thẳng nối từ các mốc M2 – M7 theo phục lục kèm theo ngày 26/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M là có căn cứ.

Từ những phân tích trên xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng phân đất tranh chấp là của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N trả đất lấn chiếm chiều ngang giáp kênh hai hạt là 2,9m, chiều ngang giáp kênh 200 là 02m là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng có điều chỉnh lại một phần nội dung quyết định của bản án cho phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Huỳnh Thị Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng bà Y là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí do đó bà Y được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Y.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Y buộc anh N trả lại đất lấn chiếm có chiều ngang giáp kênh hai hạt là 2,9m, chiều ngang giáp kênh 200 là 02m.

2. Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Y và anh Nguyễn Văn N.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 268, 292 cùng tờ bản đồ số 4 và thửa 267, 293, tờ bản đồ số 4 là đường thẳng nối các mốc M2 – M7 theo phục lục kèm theo ngày 26/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ di dời.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có trách nhiệm đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với phần đất đã tuyên trên thửa đất 268, 292 cùng tờ bản đồ số 4 và thửa 267, 293, tờ bản đồ số 4 là đường thẳng nối các mốc M2 – M7 theo phục lục kèm theo ngày 26/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Bà Huỳnh Thị Y phải chịu 500.000đ, bà Y đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Huỳnh Thị Y. Bà Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.099.000đ theo biên lai thu số 17433 ngày 22/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành